

## HOSE 29/05/2014

VNINDEX	558.45	1.11	0.20%
KLGD	116,323,876	CP	
GTGD	1,686.78	Tỷ	
GTR NDTNN	257.00	Tỷ	

CP Tăng giá	72	CP
CP Giảm giá	160	CP
CP Đứng giá	72	CP



## Tâm điểm

- ▶ **Cổ phiếu vốn hóa lớn nâng đỡ thị trường**
- ▶ **Thanh khoản tăng nhẹ trên HOSE trong khi giảm nhẹ trên HNX**  
Tổng giá trị giao dịch trên cả 2 sàn đạt khoảng 2325 tỷ đồng.
- ▶ **VEPR dự báo tăng trưởng GDP đạt cao nhất 4.88% năm 2014**  
Mức dự báo này thấp hơn nhiều con số 5.42% đã đạt được trong năm 2013 vừa qua  
VOV Online
- ▶ **Hầu hết mặt hàng xuất khẩu chính đều giảm trong tháng 5**  
Tất cả nhóm hàng xuất khẩu đều có mức giảm từ 1% đến 8.9%  
Công Thương
- ▶ **Đến giữa tháng 5, Việt Nam bội chi ngân sách 44,800 tỷ đồng**  
Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê (GSO)  
Người Đồng Hành
- ▶ **FLC: Lợi nhuận 6 tháng ước đạt 144 tỷ đồng**  
Riêng quý 2/2014, FLC ước đạt 100 tỷ đồng lợi nhuận hợp nhất, gấp hơn 2 quý 1  
Diễn đàn Đầu tư
- ▶ **LAS: Kế hoạch lãi 525 tỷ, đã xuất sản phẩm sang Nhật và Hàn**  
Được biết, lợi nhuận sau thuế năm 2013 của LAS vượt 37% kế hoạch  
Công Lý

## HNX 29/5/2014

HNXINDEX	76.38	-0.80	-1.03%
KLGD	65,764,774	CP	
GTGD	638.90	Tỷ	
GTR NDTNN	19.00	Tỷ	

CP Tăng giá	72	CP
CP Giảm giá	133	CP
CP Đứng giá	174	CP



## Thị trường / Ngành Vốn hóa (tỷ) P/E P/B ROE ROA

### Theo thị trường

HOSE	981,670	13.5	2.9	20.5%	10.8%
HNX	124,474	18.6	1.6	6.7%	3.9%
<b>Toàn bộ thị trường</b>	<b>1,106,144</b>	<b>15.5</b>	<b>2.8</b>	<b>19.3%</b>	<b>10.1%</b>

### Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,245	6.2	0.9	15.7%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	18,710	7.0	1.5	21.1%	15.3%
Thép và sản phẩm thép	36,505	21.4	2.1	18.1%	7.7%
Khai khoáng	12,001	54.5	5.0	1.8%	1.3%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	19,184	17.7	1.3	11.8%	8.4%
Xây dựng	28,768	30.1	1.1	-6.9%	1.3%
Máy công nghiệp	7,891	6.1	1.3	21.2%	14.6%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,988	13.8	1.3	14.4%	10.9%
Lốp xe	7,006	8.5	2.3	29.1%	12.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	14,394	11.5	1.2	13.9%	6.2%
Thực phẩm	196,304	22.7	4.8	21.5%	16.6%
Dược phẩm	15,207	12.1	3.1	25.5%	16.8%
Phần mềm	16,128	9.9	2.1	22.1%	9.6%
Sản xuất & phân phối điện	22,161	5.6	1.2	-7.0%	2.9%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	184,212	15.4	4.9	32.9%	22.1%
Bảo hiểm nhân thọ	28,716	23.3	2.3	10.0%	2.3%
Môi giới chứng khoán	23,608	13.1	1.3	8.1%	6.3%
Ngân hàng	242,884	11.0	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản	137,874	11.3	2.4	28.3%	7.2%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	36,716	9.6	1.9	20.5%	8.4%

## VN30 & HNX30 INDEX

VN30	615.01	0.13	0.02%
HNX30	153.90	-2.31	-1.48%

## Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

**VEPR dự báo tăng trưởng GDP đạt cao nhất 4.88% năm 2014**

**Hầu hết mặt hàng xuất khẩu chính đều giảm trong tháng 5**

**Đến giữa tháng 5, Việt Nam bội chi ngân sách 44,800 tỷ đồng**

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

**FLC: Lợi nhuận 6 tháng ước đạt 144 tỷ đồng**

**LAS: Kế hoạch lãi 525 tỷ, đã xuất sản phẩm sang Nhật và Hàn**

**BVH: Kể từ khi cổ phần hóa (năm 2007) chi gần 5,000 tỷ cổ tức tiền mặt**

## ► Tin kinh tế

Trong công bố Báo cáo thường niên kinh tế Việt Nam 2014, TS Nguyễn Đức Thành, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR, thuộc Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội) đã đưa ra mức dự báo hai kịch bản cho viễn cảnh kinh tế vĩ mô của Việt Nam trong năm nay. Theo hai kịch bản này, tăng trưởng kinh tế năm nay có nhiều khả năng sụt giảm so với năm 2013. Ở kịch bản thấp, VEPR dự báo mức tăng trưởng GDP đạt khoảng 4.15%, trong khi kịch bản cao hơn cũng chỉ đạt mức là 4.88% (theo giá cố định năm 2010).

Ước kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 5 đạt 12 tỷ USD, giảm 8.2% so với tháng trước, trong đó tất cả nhóm hàng đều có mức giảm từ 1 đến 8.9% do kim ngạch hầu hết các mặt hàng xuất khẩu chính đều sụt giảm. Theo nhận định của Tổ điều hành thị trường trong nước, sự sụt giảm xuất khẩu một phần do những vấn đề bất ổn trên biển Đông đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của một số doanh nghiệp xuất khẩu. Như vậy, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa 5 tháng đầu năm đạt 58.508 tỷ USD, tăng 15.4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, 2 mặt hàng quan trọng là nông, thủy sản và công nghiệp chế biến vẫn giữ được đà tăng với mức tăng lần lượt 12.7% và 17.6% nhờ hoạt động xuất khẩu tốt trong các tháng đầu năm. Riêng nhóm hàng nhiên liệu khoáng sản giảm 3.5% do kim ngạch xuất khẩu than đá, quặng giảm.

Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê (GSO), tổng thu ngân sách nhà nước từ đầu năm đến giữa tháng 5 ước đạt 326,100 tỷ đồng, bằng 41.7% dự toán năm. Trong số này, thu nội địa 226,900 tỷ đồng, bằng 42.1% dự toán năm; thu từ dầu thô 42,600 tỷ đồng, bằng 49.9%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu 55.3 nghìn tỷ đồng, bằng 35.9%. Tổng chi ngân sách nhà nước từ đầu năm đến ngày 15/5 ước đạt 370,900 tỷ đồng, bằng 36.8% dự toán năm. Như vậy, tính đến giữa tháng 5, Việt Nam ghi nhận mức bội chi ngân sách khoảng 44,800 tỷ đồng, trong khi mức thâm hụt được Quốc hội thông qua cho cả năm 2014 là 224,000 tỷ đồng.

## ► Tin doanh nghiệp

Đại diện Công ty cổ phần Tập đoàn FLC (HOSE: FLC) cho biết, quý 2/2014, FLC ước đạt 100 tỷ đồng lợi nhuận hợp nhất, gấp hơn 2 lần lợi nhuận hợp nhất quý 1. Lũy kế 6 tháng cả năm, lợi nhuận của FLC ước đạt 144 tỷ đồng. Được biết, năm 2014, FLC đạt kế hoạch lợi nhuận cả năm đạt 350 tỷ đồng. Hiện nay, các dự án của Tập đoàn đều đang được đẩy nhanh tiến độ. Các dự án đang được triển khai thi công 3 ca mỗi ngày, để đảm bảo mục tiêu không chỉ hoàn thành và còn vượt kế hoạch tiến độ đã đề ra. Từ nay đến cuối năm, FLC cũng sẽ khởi công một loạt dự án, bao gồm dự án nhà ở cho cán bộ công nhân viên Bộ Tư Pháp, dự án FLC Garden City, dự án FLC Complex 36 Phạm Hùng, dự án nhà ở, khách sạn, resort, khu dịch vụ tại Sầm Sơn, Thanh Hóa...

Năm 2014, ĐHĐCĐ CTCP Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao (HNX: LAS) đặt kế hoạch giá trị sản xuất công nghiệp là 1,095 tỷ đồng, tổng doanh thu 5,157 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 525 tỷ đồng, cổ tức tối thiểu ở mức 20%. Tuy nhiên do những biến động bất thường của chi phí vận chuyển và các yếu tố đầu vào, HĐQT đề nghị cổ đông ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 vào quý 4/2014 sau khi đánh giá toàn diện thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 quý đầu năm. Bên cạnh việc phát triển thị trường trong nước, từ năm 2013 LAS định hướng triển khai xuất khẩu ra thị trường nước ngoài. Theo đó, trong 2 tháng đầu năm 2014, công ty đã xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản 140 tấn Supe lân dạng hạt và 8,600 tấn phân lân nung chảy sang thị trường Nhật Bản và Hàn Quốc.

Theo Tập đoàn Bảo Việt (HOSE: BVH), ngày 30/5 này và ngày 30/6/2014, Tập đoàn sẽ thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt 1,021 tỷ đồng, tương đương tỷ lệ trả cổ tức 15% mệnh giá. Như vậy, kể từ khi cổ phần hóa (năm 2007) đến nay, Tập đoàn Bảo Việt đã dành gần 5,000 tỷ đồng để chi trả cổ tức cho cổ đông. Cụ thể, tỷ lệ cổ tức được chia trong các năm qua như sau: Năm 2008: 10%, năm 2009: 11%, năm 2010 và năm 2011: 12%, năm 2012 và 2013: 15%. Mới đây, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (Bảo hiểm Bảo Việt- công ty con của Tập đoàn Bảo Việt) vừa ký hợp đồng đồng bảo hiểm trong giai đoạn 2014-2015 cho vệ tinh VINASAT-1 và vệ tinh VINASAT-2.

**HOSE** 29/05/2014 VNINDEX 558.45 1.11 0.20% 116,323,876 CP 1,686.78 bil VND

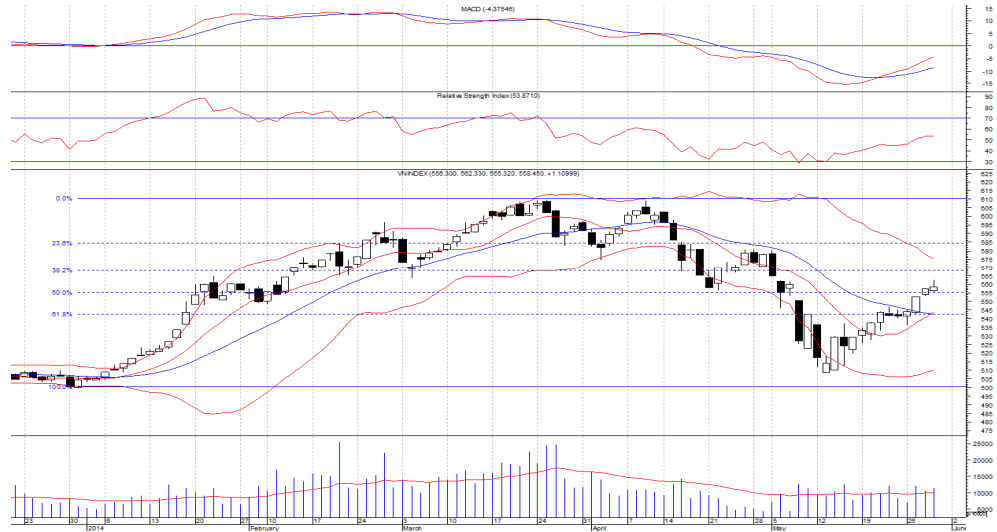
**VN-Index được nâng đỡ bởi CP vốn hóa lớn, CP đầu cơ bị bán mạnh.**

VN-Index tăng 1.11 điểm lên 558.45 điểm. Một cây nến trắng tiếp tục tăng hướng lên, nhóm cổ phiếu đầu cơ bị bán mạnh khi cung chốt lời tăng cao. GAS, MSN, STB, VIC là những cổ phiếu hỗ trợ mạnh cho chỉ số.

- MACD đang trong vùng chỉ báo mua và tiếp tục hướng lên đường Zero line, cho thấy xu thế tăng điểm vẫn tiếp diễn.

- RSI (14) đạt 53.8 điểm cho thấy xu thế hiện tại vẫn đang được củng cố và thị trường vẫn chưa đi vào vùng quá mua.

- Thị trường có thể tiếp tục tăng nhưng động lực đến từ cổ phiếu vốn hóa lớn.



**HOSE Top 5 theo KLGD**

FLC	0 (0.0%)	20,209,610
ITA	-0.3 (-3.6%)	5,453,910
HQC	-0.3 (-4.2%)	4,702,690
SSI	-0.5 (-2.0%)	4,115,060
STB	0.4 (2.0%)	3,771,790

**HOSE Top 5 theo % tăng**

ASIAGF	0.6 (6.5%)	10
HVX	0.3 (6.4%)	20,420
LAF	0.6 (6.3%)	237,930
VSI	0.4 (6.3%)	680
HTL	1.1 (6.1%)	40

**HOSE Top 5 theo % giảm**

VNH	-0.3 (-7.0%)	188,790
CMV	-0.9 (-6.9%)	350
C47	-1.4 (-6.8%)	3,720
EMC	-0.3 (-6.7%)	520
CYC	-0.4 (-6.6%)	1,660

**HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN**

STB	22,9 tỷ	1,116,790
MSN	22,3 tỷ	230,960
GAS	15,1 tỷ	158,680
PPC	11,5 tỷ	524,880
PVD	9,6 tỷ	114,490

**HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN**

HAG	-12,3 tỷ	503,050
EIB	-3,1 tỷ	233,600
HSG	-2,0 tỷ	45,770
LAF	-1,5 tỷ	150,050
HVG	-1,1 tỷ	43,280

**GD NDTNN KL Ròng GT Ròng (tỷ)**

HOSE	7,594,960	257.00
------	-----------	--------

**Nhận định / Bình luận thị trường**

- ▶ VN-Index giảm đầu phiên, giữa phiên tăng điểm tích cực, nhưng lực cung bán chốt lời tăng mạnh về cuối phiên ở những CP đầu cơ cao.
- ▶ Thanh khoản ở mức trung bình khá đạt 114 triệu cổ phiếu cao hơn 14% so với KLGD bình quân 10 phiên gần đây.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 125 tỷ đồng, trong đó mua ròng mạnh STB, MSN, GAS, PPC. Việc tiếp tục mua ròng của khối ngoại tiếp tục hỗ trợ mạnh cho thị trường và tâm lý.
- ▶ Các chỉ báo kỹ thuật vẫn đang tích cực hơn, nhưng vẫn còn đó những bất ổn từ tình hình Biển Đông, tâm lý nhà đầu tư vẫn thận trọng.
- ▶ NĐT ngắn hạn có thể xem xét bán chốt lời đặc biệt ở những CP mang tính đầu cơ cao và đã tăng nhiều, canh mua CP cơ bản tốt ở vùng giá thấp.

**HOSE - Top 10 theo vốn hóa**

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	96.0	181,920.00	15.8	5.0	33.4%	22.6%
VNM	833.4	123.0	102,512.79	16.0	5.5	36.4%	29.1%
MSN	734.9	97.0	71,286.40	210.6	4.7	2.2%	0.7%
VCB	2,317.4	28.6	66,278.13	15.2	1.5	10.4%	1.0%
VIC	894.2	67.0	59,914.11	8.0	3.8	47.0%	11.1%
CTG	3,723.4	14.8	55,106.39	8.7	1.0	11.4%	1.1%
BID	2,811.2	14.9	41,886.92	9.1	1.3	14.2%	0.8%
BVH	680.5	40.7	27,695.19	23.3	2.3	10.0%	2.3%
HPG	481.9	51.0	24,577.32	10.6	2.4	25.0%	10.7%
STB	1,142.5	20.4	23,307.24	10.4	1.4	13.5%	1.3%

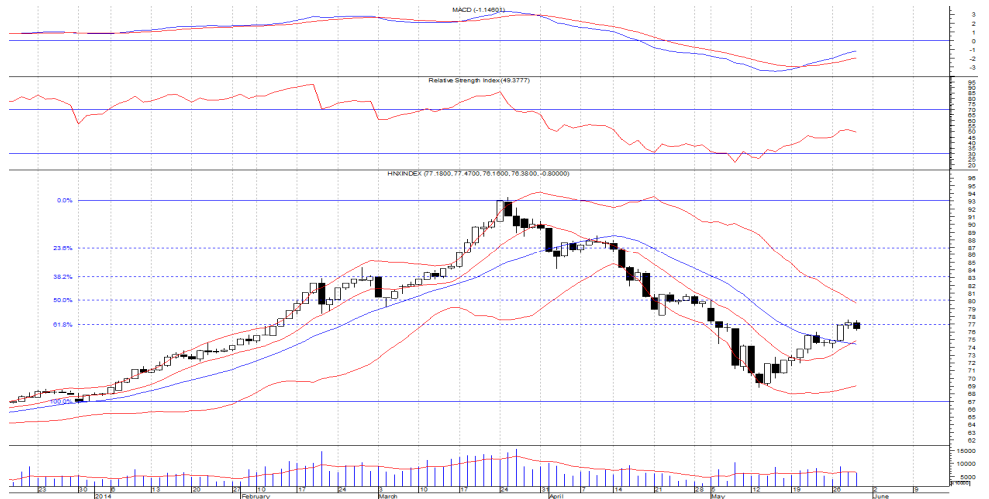
**HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ**

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	13.2	3,070.32	12.9	1.1	NA	TH.DOI
FPT	343.9	46.1	15,853.52	9.8	2.1	NA	TH.DOI
CII	112.9	18.7	2,110.51	14.6	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	66.0	3,001.58	8.1	1.9	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.5	698.63	5.1	0.8	NA	TH.DOI
FDC	27.6	19.2	530.11	1.9	0.9	NA	TH.DOI

**HNX**      29/05/2014      HNX-Index      76.38      -0.80      -1.03%      65,764,774 CP      638.90 bil. VND

### HNX-Index giảm mạnh về cuối phiên do lực bán chốt lời tăng

Chỉ số HNX-Index giảm 0.8 điểm xuống 76.38 điểm do cung bán chốt lời gia tăng trong khi thiếu trụ đỡ như sàn HOSE.  
 - HNX-Index vẫn nằm trên MA10 và MA20, đường MA10 đã cắt MA20 từ dưới lên cho thấy xu thế vẫn là tích cực.  
 - MACD đang trong vùng chỉ báo mua và tiếp tục hướng lên đường Zero line, cho thấy xu thế tăng điểm vẫn tiếp diễn.  
 - RSI (14) đạt 49.3 điểm cho thấy xu thế hiện tại vẫn đang được củng cố và thị trường vẫn chưa đi vào vùng quá mua.  
 - Ngắn hạn thị trường có thể có nhịp điều chỉnh về vùng hỗ trợ MA20 tại 74.5 điểm.



### HNX Top 5

theo KLGD

PVX	-0.2 (-3.8%)	9,349,400
SCR	-0.2 (-2.3%)	7,053,530
SHB	-0.2 (-2.2%)	6,884,950
KLS	-0.4 (-3.4%)	5,296,740
SHS	-0.6 (-6.6%)	4,309,800

### HNX Top 5

theo % tăng

SGH	48.5 (100.0%)	-
DC2	0.4 (10.0%)	100
SDC	0.9 (10.0%)	500
TV3	1.5 (10.0%)	100
BTH	0.4 (9.8%)	100

### HNX Top 5

theo % giảm

PSG	-0.1 (-11.1%)	330,030
KTS	-1.8 (-10.0%)	7,750
L62	-0.6 (-10.0%)	5,000
MDC	-1 (-10.0%)	6,700
TSM	-0.3 (-10.0%)	22,600

### HNX Top 5

Mua ròng NDTNN

PVS	4,9 tỷ	178,300
LAS	2,9 tỷ	70,000
VCG	2,1 tỷ	159,000
VND	0,3 tỷ	20,000
LTC	0,2 tỷ	23,300

### HNX Top 5

Bán ròng NDTNN

SHB	-12,6 tỷ	#VALUE!
PLC	-0,6 tỷ	30,000
PVC	-0,4 tỷ	22,800
PGS	-0,2 tỷ	5,600
HAD	-0,1 tỷ	1,900

### GD NDTNN

KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	1,190,400      19.00

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ HNX-Index linh hình tăng giảm nhẹ đầu và giữa phiên, cuối phiên giảm khá mạnh khi cung bán chốt lời gia tăng, đa phần các mã là giảm điểm.
- ▶ Thanh khoản tiếp tục giảm nhẹ 6% so với phiên trước còn 65.7 triệu cổ phiếu. Dòng tiền đang có dấu hiệu chững lại trong 2 phiên gần đây.
- ▶ Khối ngoại bán ròng 1.8 tỷ đồng tập trung ở SHB. Những cổ phiếu được mua vào mạnh là SHB, PVS, LAS, VND, VCG.
- ▶ Các tín hiệu kỹ thuật vẫn cho thấy xu hướng trung hạn là tăng điểm, ngắn hạn thị trường có thể điều chỉnh về vùng MA20 tại 74.5 điểm.
- ▶ NĐT ngắn hạn có thể xem xét bán chốt lời đặc biệt ở những CP mang tính đầu cơ cao và đã tăng nhiều, canh mua CP cơ bản tốt ở vùng giá thấp.

### HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.7	14,283.55	18.8	1.1	6.1%	0.5%
PVS	446.7	27.0	12,060.91	8.1	1.4	19.3%	6.2%
SQC	110.0	78.2	8,602.00	265.3	6.5	-2.4%	-2.0%
SHB	886.1	9.1	8,063.36	10.2	0.8	7.9%	0.7%
VCG	441.7	12.7	5,609.73	12.9	1.0	8.3%	1.8%
OCH	200.0	25.2	5,040.00	36.0	2.4	6.3%	3.1%
PVI	225.4	17.9	4,034.91	14.6	0.7	4.6%	2.1%
LAS	77.8	41.9	3,261.16	6.8	2.1	33.5%	17.5%
NTP	56.3	53.0	2,985.99	10.1	2.3	23.8%	16.0%
VNR	100.8	28.6	2,883.67	8.1	1.2	14.5%	7.0%

### HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	29.5	1,121.00	7.1	1.2	NA	TH.DOI
AAA	19.8	18.9	374.22	7.3	0.7	NA	TH.DOI
VND	96.9	15.0	1,454.05	10.6	1.2	NA	TH.DOI
NTP	56.3	53.0	2,985.99	10.1	2.3	NA	TH.DOI
PVC	50.0	15.6	780.00	9.4	0.9	NA	TH.DOI
DXP	7.9	38.4	302.40	6.1	1.5	NA	TH.DOI

## FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	71,286.40	15.35%	97.0	210.56	4.72	122,261	142,185	341,932
VIC	HOSE	894.2	59,914.11	14.46%	67.0	8.00	3.82	272,549	446,071	531,022
HPG	HOSE	481.9	24,577.32	11.74%	51.0	10.58	2.43	581,799	675,303	834,164
PVD	HOSE	275.3	22,984.05	8.68%	83.5	10.72	2.22	238,117	372,018	494,811
DPM	HOSE	379.9	12,271.88	8.01%	32.3	6.54	1.42	1,206,716	1,305,038	1,411,435
HAG	HOSE	718.2	17,379.34	7.98%	24.2	14.55	1.34	3,110,156	3,482,617	4,027,684
VCB	HOSE	2,317.4	66,278.13	6.11%	28.6	15.20	1.52	585,376	707,117	866,202
STB	HOSE	1,142.5	23,307.24	4.13%	20.4	10.44	1.38	1,413,108	994,142	1,062,412
BVH	HOSE	680.5	27,695.19	3.08%	40.7	23.31	2.29	501,159	551,401	528,509
ITA	HOSE	718.1	5,744.60	2.71%	8.0	104.99	0.76	6,320,169	6,127,314	9,380,234
HSG	HOSE	96.3	4,305.20	2.68%	44.7	11.17	1.98	202,869	199,611	234,344
GMD	HOSE	114.4	3,775.92	2.26%	33.0	119.82	0.82	336,800	345,549	387,872
PPC	HOSE	318.2	7,031.22	2.03%	22.1	7.53	1.22	491,091	577,200	879,442
VSH	HOSE	206.2	3,382.36	1.74%	16.4	15.65	1.26	427,661	526,093	793,632
CSM	HOSE	67.3	2,718.60	1.64%	40.4	7.28	2.08	287,205	366,328	580,881
KBC	HOSE	389.8	3,975.55	1.48%	10.2	24.00	0.83	756,728	763,261	1,200,648
DRC	HOSE	83.1	3,779.86	1.33%	45.5	9.96	2.60	150,894	210,058	337,704
PVT	HOSE	232.6	3,070.32	1.18%	13.2	12.90	1.09	718,139	673,035	1,563,242
DIG	HOSE	143.0	2,116.33	1.01%	14.8	40.18	0.92	235,187	329,352	627,857
OGC	HOSE	300.0	3,120.00	0.91%	10.4	47.68	1.01	1,704,122	2,299,100	3,204,264
PET	HOSE	69.8	1,103.50	0.87%	15.8	7.36	0.88	410,950	470,239	734,432

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**DB Platinum Advisors**  
**FTST Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **15/01/2008**  
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**  
TGTTSQL **361 mil.**

## Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	12,060.91	5.37%	27.0	8.05	1.43	1,439,060	1,943,670	2,796,673
VIC	HOSE	894.2	59,914.11	8.00%	67.0	8.00	3.82	272,549	446,071	531,022
VCB	HOSE	2,317.4	66,278.13	7.00%	28.6	15.20	1.52	585,376	707,117	866,202
BVH	HOSE	680.5	27,695.19	6.50%	40.7	23.31	2.29	501,159	551,401	528,509
DPM	HOSE	379.9	12,271.88	5.79%	32.3	6.54	1.42	1,206,716	1,305,038	1,411,435
STB	HOSE	1,142.5	23,307.24	4.26%	20.4	10.44	1.38	1,413,108	994,142	1,062,412
PVD	HOSE	275.3	22,984.05	3.22%	83.5	10.72	2.22	238,117	372,018	494,811
ITA	HOSE	718.1	5,744.60	3.73%	8.0	104.99	0.76	6,320,169	6,127,314	9,380,234
SHB	HNX	886.1	8,063.36	2.86%	9.1	10.20	0.78	7,112,733	7,884,580	9,648,240
PPC	HOSE	318.2	7,031.22	1.58%	22.1	7.53	1.22	491,091	577,200	879,442
OGC	HOSE	300.0	3,120.00	2.33%	10.4	47.68	1.01	1,704,122	2,299,100	3,204,264
GMD	HOSE	114.4	3,775.92	1.62%	33.0	119.82	0.82	336,800	345,549	387,872
MSN	HOSE	734.9	71,286.40	8.00%	97.0	210.56	4.72	122,261	142,185	341,932
HAG	HOSE	718.2	17,379.34	2.83%	24.2	14.55	1.34	3,110,156	3,482,617	4,027,684
DRC	HOSE	83.1	3,779.86	1.28%	45.5	9.96	2.60	150,894	210,058	337,704
VCG	HNX	441.7	5,609.73	3.58%	12.7	12.87	1.03	2,640,018	2,267,292	3,087,603
PVT	HOSE	232.6	3,070.32	2.05%	13.2	12.90	1.09	718,139	673,035	1,563,242

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**Van Eck Global**  
**Market Vector Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **08/11/2009**  
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**  
TGTTSQL **439.5 mil.**

## MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	894.2	59,914.11	0.00%	67.0	8.00	3.82	272,549	446,071	531,022
MSN	HOSE	734.9	71,286.40	0.00%	97.0	210.56	4.72	122,261	142,185	341,932
DPM	HOSE	379.9	12,271.88	0.00%	32.3	6.54	1.42	1,206,716	1,305,038	1,411,435
HAG	HOSE	718.2	17,379.34	0.00%	24.2	14.55	1.34	3,110,156	3,482,617	4,027,684
VCB	HOSE	2,317.4	66,278.13	0.00%	28.6	15.20	1.52	585,376	707,117	866,202
STB	HOSE	1,142.5	23,307.24	0.00%	20.4	10.44	1.38	1,413,108	994,142	1,062,412
BVH	HOSE	680.5	27,695.19	0.00%	40.7	23.31	2.29	501,159	551,401	528,509
CTG	HOSE	3,723.4	55,106.39	0.00%	14.8	8.70	1.00	430,613	522,075	882,659
GAS	HOSE	1,895.0	181,920.00	0.00%	96.0	15.84	5.02	412,558	516,656	413,829

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

## iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	71,286.40	0.81%	97.0	210.56	4.72	122,261	142,185	341,932
VIC	HOSE	894.2	59,914.11	0.55%	67.0	8.00	3.82	272,549	446,071	531,022
DPM	HOSE	379.9	12,271.88	0.26%	32.3	6.54	1.42	1,206,716	1,305,038	1,411,435
VCB	HOSE	2,317.4	66,278.13	0.20%	28.6	15.20	1.52	585,376	707,117	866,202
STB	HOSE	1,142.5	23,307.24	0.14%	20.4	10.44	1.38	1,413,108	994,142	1,062,412
BVH	HOSE	680.5	27,695.19	0.10%	40.7	23.31	2.29	501,159	551,401	528,509

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

## iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

<b>Chỉ số bình quân ngành</b>		<b>Vốn hóa (tỷ)</b>	<b>P/E</b>	<b>P/B</b>	<b>ROE</b>	<b>ROA</b>
<b>Hóa chất &amp; Tài nguyên cơ bản</b>						
Hóa Chất						
	Nhựa, cao su & sợi	7,245	6.2	0.9	15.7%	10.7%
	Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	18,710	7.0	1.5	21.1%	15.3%
Lâm nghiệp và giấy						
	Lâm sản và Chế biến gỗ	1,673	20.1	0.7	3.0%	1.9%
	Sản xuất giấy	751	7.7	0.8	11.2%	5.7%
Kim loại						
	Thép và sản phẩm thép	36,505	21.4	2.1	18.1%	7.7%
Khai khoáng						
	Khai thác than	1,656	4.2	0.8	18.4%	3.8%
	Khai khoáng	12,001	54.5	5.0	1.8%	1.3%
<b>Xây dựng và vật liệu</b>						
Xây dựng và vật liệu						
	Vật liệu xây dựng & Nội thất	19,184	17.7	1.3	11.8%	8.4%
	Xây dựng	28,768	- 30.1	1.1	-6.9%	1.3%
<b>Hàng và dịch vụ công nghiệp</b>						
Hàng công nghiệp						
	Containers & Đóng gói	2,090	7.2	1.1	16.8%	8.8%
	Công nghiệp phức hợp	360	3.4	0.7	21.8%	15.7%
Điện tử và thiết bị điện						
	Hàng điện & điện tử	1,596	9.7	1.0	7.8%	3.8%
	Thiết bị điện	1,609	- 15.5	0.6	-1.0%	-1.5%
Công nghiệp nặng						
	Xe tải & Đóng tàu	43	26.9	0.6	2.2%	1.5%
	Máy công nghiệp	7,891	6.1	1.3	21.2%	14.6%
Vận tải						
	Vận tải thủy	7,307	- 2.4	0.9	3.3%	0.7%
	Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,988	13.8	1.3	14.4%	10.9%
	Dịch vụ vận tải	5,432	8.1	1.4	18.4%	11.0%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh						
	Tư vấn & Hỗ trợ KD	2,922	10.6	1.3	12.3%	4.5%
	Đào tạo & Việc làm	222	14.8	0.6	6.1%	2.1%
	Nhà cung cấp thiết bị	175	8.1	0.7	10.0%	4.3%
	Chất thải & Môi trường	167	2.5	0.8	34.9%	16.7%
<b>Ô tô và Phụ tùng</b>						
Ô tô và Phụ tùng						
	Sản xuất ô tô	2,214	21.7	1.9	13.9%	8.1%
	Lốp xe	7,006	8.5	2.3	29.1%	12.8%
<b>Thực phẩm và đồ uống</b>						
Bia và đồ uống						
	Sản xuất bia	1,371	6.9	1.1	15.7%	8.9%
	Vang & Rượu mạnh	273	10.8	2.0	20.7%	13.1%
	Đồ uống & giải khát	265	7.6	1.4	14.2%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm						
	Nuôi trồng nông & hải sản	14,394	11.5	1.2	13.9%	6.2%
	Thực phẩm	196,304	22.7	4.8	21.5%	16.6%
<b>Hàng cá nhân và gia dụng</b>						
Hàng gia dụng						
	Đồ gia dụng lâu bền	49	39.0	0.6	1.6%	1.2%
	Thiết bị gia dụng	2,096	8.1	0.9	12.5%	6.2%
Hàng hóa giải trí						
	Điện tử tiêu dùng	140	8.4	1.3	13.5%	9.4%
Hàng cá nhân						
	Hàng may mặc	2,834	7.8	1.4	17.8%	7.1%
	Giày dép	9	- 1.3	0.5	-33.3%	-19.0%
	Hàng cá nhân	4,925	9.0	1.8	16.8%	9.1%
Thuốc lá						
	Thuốc lá	705	- 8.4	1.1	0.1%	4.3%

<b>Chỉ số bình quân ngành</b>		Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Y tế</b>						
Thiết bị và dịch vụ y tế						
Thiết bị y tế		864	15.5	0.9	4.9%	2.9%
Dụng cụ y tế		144	3.5	1.8	31.8%	13.0%
Dược phẩm						
Công nghệ sinh học		172	8.2	1.1	13.2%	9.3%
Dược phẩm		15,207	12.1	3.1	25.5%	16.8%
<b>Bán lẻ</b>						
Phân phối thực phẩm và dược						
Phân phối thực phẩm		378	49.5	1.2	2.4%	0.7%
Bán lẻ						
Bán lẻ phức hợp		755	14.7	1.3	13.3%	8.8%
Phân phối hàng chuyên dụng		2,091	8.4	1.3	14.8%	3.2%
<b>Truyền thông, Du lịch và Giải trí</b>						
Truyền thông						
Dịch vụ truyền thông		10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa		1,009	8.0	0.9	12.1%	8.0%
Du lịch và giải trí						
Hàng không		156	6.8	2.9	52.7%	27.1%
Khách sạn		5,815	36.4	2.6	6.0%	3.2%
Dịch vụ giải trí		2,228	28.0	1.4	14.9%	12.5%
Vận tải hành khách & Du lịch		1,122	20.9	1.9	15.5%	13.7%
<b>Viễn Thông &amp; Công nghệ thông tin</b>						
Viễn thông cố định						
Viễn thông cố định		51	11.9	0.4	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính						
Dịch vụ máy tính		510	20.2	0.6	3.1%	1.2%
Internet		289	61.0	0.7	1.1%	0.2%
Phần mềm		16,128	9.9	2.1	22.1%	9.6%
Thiết bị và phần cứng						
Phần cứng		417	15.0	0.7	4.1%	1.6%
Thiết bị văn phòng		274	5.3	1.0	20.0%	14.9%
Thiết bị viễn thông		2,056	13.9	0.7	5.1%	3.7%
<b>Điện nước, xăng dầu và khí đốt</b>						
Sản xuất & phân phối điện						
Sản xuất & phân phối điện		22,161	-	5.6	-7.0%	2.9%
Nước & khí đốt						
Phân phối xăng dầu & khí đốt		184,212	15.4	4.9	32.9%	22.1%
Nước		1,212	6.6	1.0	16.9%	11.2%
<b>Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản</b>						
Bảo hiểm phi nhân thọ						
Bảo hiểm phức hợp		1,139	5.1	0.8	15.1%	5.0%
Bảo hiểm phi nhân thọ		6,166	11.7	0.7	5.8%	2.7%
Tái bảo hiểm		2,884	8.1	1.2	14.5%	7.0%
Bảo hiểm nhân thọ						
Bảo hiểm nhân thọ		28,716	23.3	2.3	10.0%	2.3%
Dịch vụ tài chính						
Tài chính đặc biệt		3,240	47.7	1.0	2.1%	0.6%
Môi giới chứng khoán		23,608	13.1	1.3	8.1%	6.3%
Ngân hàng						
Ngân hàng		242,884	11.0	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản						
Bất động sản		137,874	11.3	2.4	28.3%	7.2%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản		5	8.9	0.4	5.5%	2.5%
<b>Dầu khí</b>						
Thiết bị, dịch vụ và phân phối						
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí		36,716	9.6	1.9	20.5%	8.4%



- |                           |  |                          |  |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ <b>Nguyễn Hữu Quang</b> | <b>Giám đốc Tư vấn Đầu tư</b><br>quangnh@vietinbanksc.com.vn   |                          |  |
| ▶ <b>Nguyễn Quang Sắc</b> | sacnq@vietinbanksc.com.vn<br>- Tổng hợp thông tin vĩ mô<br>- Phân tích kỹ thuật<br>- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ <b>Nguyễn Thu Hằng</b> | hangntt@vietinbanksc.com.vn<br>- Ngân hàng<br>- Thép và sản phẩm thép<br>- Dược phẩm               |
| ▶ <b>Nguyễn Hoài Nam</b>  | namnh@vietinbanksc.com.vn<br>- Sản phẩm hóa dầu<br>- Phân phối xăng dầu, khí đốt<br>- Thiết bị và dịch vụ dầu khí    | ▶ <b>Vũ Ánh Nguyệt</b>   | nguyetva@vietinbanksc.com.vn<br>- Nhựa, cao su, sợi<br>- Thực phẩm<br>- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.